

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng hơn 12 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,766.90 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Công nghệ thông tin. Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí và Du lịch & giải trí giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng hơn 1 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX và bán ròng trên hai sàn còn lại. Cổ phiếu VIC vẫn đóng góp phần lớn đà tăng của chỉ số ngày hôm nay, nhà đầu tư nên giữ tâm thế cẩn trọng trước rủi ro tập trung.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 30/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+12.06** điểm, đóng cửa tại **1766.9** điểm. HNX-Index **-0.72** điểm, đóng cửa tại **250.5** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+5.64)**, **VPB (+1.23)**, **BID (+0.93)**, **GEE (+0.84)**, **FPT (+0.83)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-1.12)**, **BSR (-0.52)**, **VJC (-0.35)**, **HPG (-0.33)**, **HVN (-0.30)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,819** tỷ đồng, tăng **7.39%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,745 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.83 điểm. Thị trường có **168** mã tăng, 62 mã tham chiếu, **142** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1001.75** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (343.50 tỷ)**, **FPT (242.50 tỷ)**, **STB (167.54 tỷ)**, **VPB (124.09 tỷ)**, **GEX (63.49 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-5.89** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.64%**. Các mã diễn biến tích cực:
DGC (+6.89%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+2.50%) [\(Link báo cáo\)](#)
KBC (+2.38%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.16%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHC (+4.04%) [\(Link báo cáo\)](#)
GVR (+2.31%)
VIC (+2.07%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.64%	-0.16%	0.00%	0.00%
1 tuần	0.18%	-1.16%	-0.89%	-0.66%
1 tháng	0.23%	-2.04%	3.83%	3.94%
3 tháng	0.03%	-5.24%	6.91%	8.06%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,766.90	250.50	120.75
% 1D	0.69%	-0.29%	0.45%
GTKL (tỷ VND)	17,819	746	356
%1D	7.39%	-34.76%	-29.95%
GDNN (tỷ VND)	1001.75	-5.89	-12.93

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	343.50	VIC	-128.95
FPT	242.50	VHM	-119.04
STB	167.54	VCB	-57.40
VPB	124.09	VJC	-38.32
GEX	63.49	CII	-36.10

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

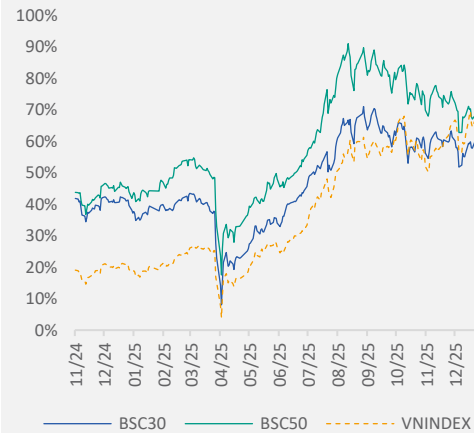
		%D	%W
SPX	6,906	-0.35%	1.04%
FTSE100	9,877	0.11%	-0.21%
Eurostoxx	5,760	0.15%	0.80%
Shanghai	3,965	0.00%	1.15%
Nikkei	50,339	-0.36%	-0.37%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.61	-1.03%
Giá vàng	4,362	0.29%
Tỷ giá		
USD/VND	26,380	0.00%
EUR/VND	31,732	-0.12%
JPY/VND	172	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.00%
LS LNH 1M	8.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

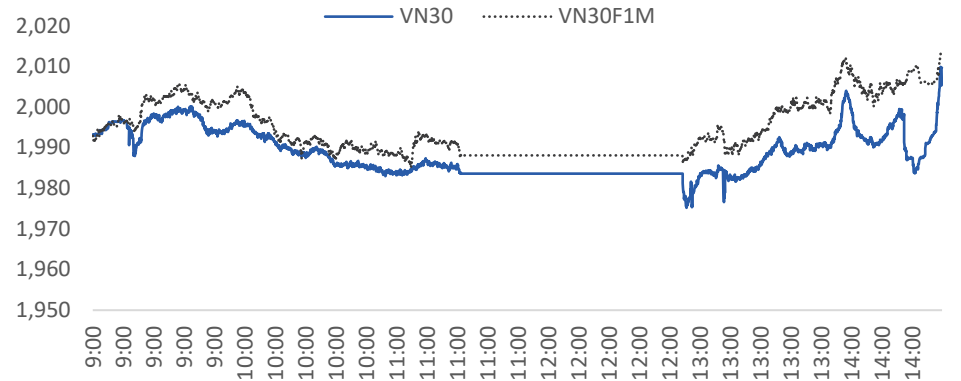
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	2014.10	1.20%	269,453	3.2%	15/01/2026	15
41I1G6000	1991.10	0.63%	46	70.4%	18/06/2026	169
41I1G1000	2014.10	1.20%	269,453	3.2%	15/01/2026	15
41I1G3000	1999.70	0.92%	57	-1.72%	19/03/2026	78

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +19.04 điểm, đóng cửa tại 2009.7 điểm. Biên độ dao động 34.51 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VIC, MWG, VPB, MSN tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng trong nửa cuối phiên chiều và đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản thị trường ghi nhận cải thiện so với phiên trước nhưng vẫn nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2505	9/01/2026	10	122,200	39.93%	134.87	20	100.0%	0.00	135.04	96.50	96.50
CDGC2501	26/05/2026	147	590,000	74.06%	104.43	1,050	26.5%	0.04	113.49	65.20	65.20
CVPB2530	11/05/2026	132	37,200	35.23%	37.80	1,010	16.1%	0.31	38.81	28.70	28.70
CFPT2530	9/02/2026	41	39,000	19.38%	113.32	380	15.2%	0.04	115.20	96.50	96.50
CSSB2508	4/05/2026	125	44,400	34.80%	21.67	380	15.2%	0.03	23.19	17.20	17.20
CMSN2518	4/05/2026	125	31,800	24.84%	90.00	600	13.2%	0.25	96.00	76.90	76.90
CMSN2520	25/06/2026	177	51,900	36.17%	97.11	760	11.8%	0.23	104.71	76.90	76.90
CFPT2524	25/06/2026	177	51,500	31.98%	117.47	400	11.1%	0.08	127.36	96.50	96.50
CFPT2525	25/03/2026	85	1,032,600	11.99%	101.94	620	10.7%	0.35	108.08	96.50	96.50
CFPT2512	13/04/2026	104	178,800	17.47%	107.55	680	9.7%	0.28	113.36	96.50	96.50
CVPB2518	3/02/2026	35	34,500	1.18%	21.00	2,010	8.6%	1.95	29.04	28.70	28.70
CFPT2531	11/05/2026	132	8,700	23.71%	113.32	1,020	8.5%	0.32	119.38	96.50	96.50
CVPB2521	23/07/2026	205	900	6.97%	22.15	2,850	8.4%	2.51	30.70	28.70	28.70
CFPT2527	9/03/2026	69	724,000	5.37%	89.17	1,580	8.2%	1.22	101.68	96.50	96.50
CVIC2513	25/05/2026	146	3,400	0.31%	73.50	18,000	7.8%	18.18	163.50	163.00	163.00
CHDB2506	24/02/2026	56	175,100	1.79%	25.44	1,300	7.4%	1.33	28.45	27.95	27.95
CSSB2507	3/04/2026	94	74,600	29.06%	21.00	300	7.1%	0.03	22.20	17.20	17.20
CVPB2519	3/04/2026	94	2,500	1.77%	21.89	1,830	7.0%	1.79	29.21	28.70	28.70
CVIC2509	12/01/2026	13	1,800	-3.07%	34.00	62,000	6.9%	64.53	158.00	163.00	163.00
CVPB2504	9/04/2026	100	185,100	1.63%	19.47	3,320	6.8%	3.25	29.17	28.70	28.70

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:** Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 31/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CFPT2505 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CSTB2515 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.99%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CVRE2526, CFPT2503, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	163.00	2.07%	5.64	7.73
VPB	28.70	2.50%	1.23	7.93
BID	39.40	1.55%	0.93	7.02
GEE	241.00	4.42%	0.84	0.37
FPT	96.50	2.33%	0.83	1.70

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DHT	71.60	3.32%	0.13	0.09
NVB	13.70	0.74%	0.11	1.92
IDC	36.90	1.10%	0.09	0.38
SHS	20.90	0.48%	0.05	0.90
HLD	24.70	5.56%	0.04	0.05

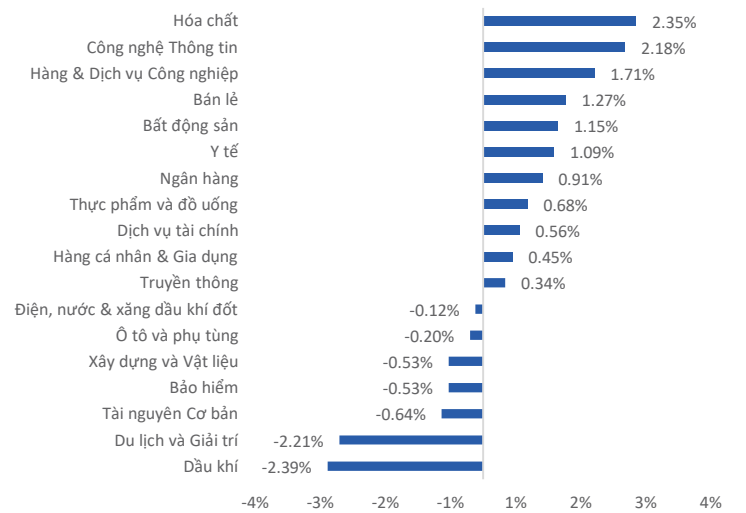
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNT	8.13	6.97%	0.01	1.62
QCG	15.40	6.94%	0.07	2.40
DGC	65.20	6.89%	0.38	7.24
DAT	10.00	6.72%	0.01	0.02
TEG	6.99	6.72%	0.01	0.17

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TTL	8.50	7.59%	0.11	0.00
TJC	12.90	7.50%	0.03	0.00
HLD	24.70	5.56%	0.31	0.07
TSB	27.90	5.28%	0.04	0.02
MST	6.60	4.76%	0.15	1.28

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	91.00	-3.19%	-1.12	1.79
BSR	16.20	-2.99%	-0.52	5.01
VJC	205.40	-1.34%	-0.35	0.59
HPG	26.50	-0.75%	-0.33	7.68
HVN	25.30	-1.75%	-0.30	3.11

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	67.40	-0.88%	-0.31	0.90
CEO	22.10	-2.21%	-0.16	0.57
PVS	34.60	-1.42%	-0.15	0.51
KSV	89.90	-1.32%	-0.14	0.20
SCG	63.80	-2.30%	-0.07	0.09

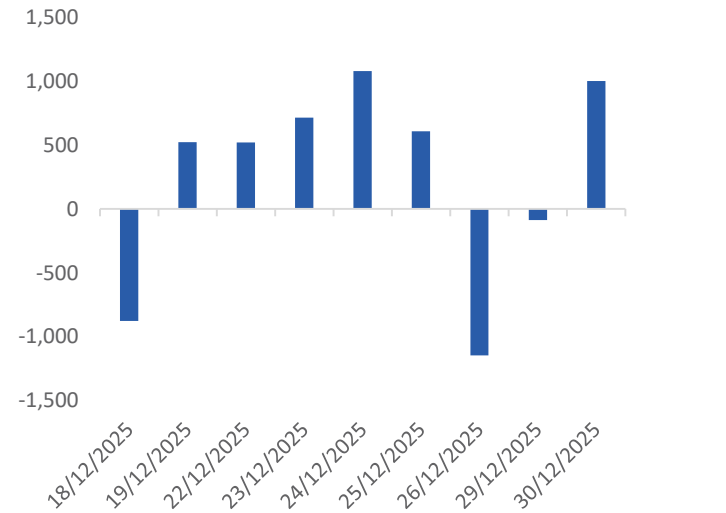
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVI	36.20	-6.94%	-0.01	0.00
NNC	71.20	-6.93%	-0.02	0.13
SVD	4.63	-6.84%	0.00	0.03
HID	5.92	-6.03%	-0.01	1.17
PIT	6.50	-5.80%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
INC	16.00	-9.60%	-0.02	0.00
SPC	8.60	-9.47%	-0.04	0.00
HTC	33.70	-8.67%	-0.20	0.00
DTG	14.10	-8.44%	-0.05	0.00
VDL	9.10	-8.08%	-0.04	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	88.5	1.6%	1.3	127,903	704.5	3,957	22.0	106,000	47.0%	Link
KBC	Bất động sản	34.4	2.4%	1.1	31,643	116.0	1,872	18.0	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	31.5	-0.6%	1.1	35,574	95.1	857	37.0	39,900	28.3%	Link
PDR	Bất động sản	19.4	-1.0%	1.4	19,557	146.2	211	92.9	28,200	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	117.5	-0.2%	1.4	483,442	779.2	6,133	19.2	119,600	8.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	96.5	2.3%	0.8	160,641	726.0	5,280	17.9	118,700	39.0%	Link
BSR	Dầu khí	16.2	-3.0%	0.0	83,622	121.3	413		23,200	1.0%	Link
PVS	Dầu khí	34.6	-1.4%	1.4	17,951	133.4	2,841	12.4	42,800	14.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.7	-0.2%	1.2	24,569	77.7	1,344	16.9		34.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.6	0.3%	1.1	75,978	379.2	1,859	16.4		32.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.4	0.3%	1.0	30,009	226.7	1,578	22.4		14.9%	
DCM	Hóa chất	32.7	0.0%	1.1	17,311	16.1	3,578	9.1	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	65.2	6.9%	1.2	23,166	460.0	8,296	7.4	109,300	6.7%	Link
ACB	Ngân hàng	24.1	0.4%	0.8	123,280	465.2	3,385	7.1	28,400	28.6%	Link
BID	Ngân hàng	39.4	1.6%	0.9	272,429	212.3	3,781	10.3	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	35.7	1.0%	1.0	274,173	301.1	4,292	8.2	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	28.0	1.3%	1.1	138,146	802.4	3,019	9.1	34,400	23.5%	Link
MBB	Ngân hàng	25.0	0.6%	1.0	200,167	301.4	3,017	8.2	29,300	21.3%	Link
MSB	Ngân hàng	12.5	1.6%	1.1	38,376	70.6	1,729	7.1	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	60.0	0.2%	1.0	112,924	1241.8	6,519	9.2		14.8%	
TCB	Ngân hàng	34.4	0.9%	1.1	241,286	596.8	3,111	10.9	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.2	1.5%	1.1	46,881	162.3	2,358	7.2	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.3	0.4%	0.8	477,109	170.4	4,202	13.6	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.7	0.6%	0.9	59,911	86.8	2,225	7.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.7	2.5%	1.1	222,150	691.1	2,603	10.8	35,650	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.5	-0.8%	1.0	204,935	657.9	1,876	14.2	33,170	19.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	-1.9%	1.0	10,060	19.9	1,178	13.8	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.5	0.6%	1.1	10,507	107.3	4,150	6.6	28,800	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.9	1.9%	1.1	109,167	340.4	2,196	34.4	98,300	22.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.8	-0.5%	0.6	129,786	98.2	4,160	14.9	64,500	50.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.6	-1.25%	1.2	8,869	25.0	2,410	16.6	21.4%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	147.7	1.16%	1.1	24,864	42.1	3,620	40.3	32.4%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	59.4	-0.67%	1.1	44,391	26.8	3,578	16.7	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	17.1	-2.01%	1.2	13,858	141.4	522	33.4	3.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	17.5	-0.85%	1.2	19,634	140.7	399	44.3	25.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	22.7	-1.73%	1.1	4,614	43.1	2,445	9.5	2.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	27.6	-0.54%	1.3	10,266	60.5	938	29.6	20.6%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	36.9	1.10%	1.3	13,852	23.4	4,849	7.5	11.4%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	30.6	-0.81%	1.1	14,965	35.8	2,205	14.0	44.3%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	51.8	-0.58%	1.0	12,614	6.6	5,474	9.5	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.0	0.87%	0.9	5,166	8.3	1,763	16.3	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	18.3	-1.08%	1.3	16,874	58.9	801	23.1	12.1%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	163.0	2.07%	1.5	1,230,653	1292.4	1,147	139.2	3.1%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	32.8	-1.20%	1.3	75,441	305.4	2,144	15.5	13.8%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.7	0.71%	1.0	7,495	14.2	1,848	19.2	38.2%	13.2%	Link
PLX	Dầu khí	35.8	-2.05%	0.7	46,377	55.0	2,090	17.5	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	28.5	-0.18%	0.8	15,843	239.4	1,602	17.8	10.4%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.6	-2.04%	1.2	11,885	34.8	1,262	27.2	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.1	-0.38%	1.8	17,258	32.7	1,661	15.8	3.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	74.9	-0.27%	0.8	181,213	132.7	5,014	15.0	2.0%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	-1.54%	0.9	39,882	58.3	679	19.2	4.9%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.2	-0.16%	0.8	33,204	14.2	4,776	12.8	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	205.4	-1.34%	0.7	123,173	723.8	2,897	71.9	7.5%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.2	0.45%	1.2	39,706	474.2	2,313	19.0	8.5%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.8	0.82%	1.0	26,144	82.4	3,497	17.5	41.5%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.1	-1.83%	0.7	10,165	70.6	6,185	9.7	7.3%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.8	-0.79%	0.9	8,905	35.3	2,090	9.1	9.7%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	98.1	1.13%	0.0	11,813	31.0	3,139	30.9	4.6%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	96.8	0.83%	0.8	32,750	55.8	6,913	13.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.7	0.75%	0.8	2,969	47.9	2,535	10.5	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.3	-1.08%	1.4	2,382	6.4	2,859	6.5	16.3%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.4	-1.32%	1.0	15,434	42.4	1,212	18.7	3.7%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.6	2.31%	1.2	104,000	56.3	1,569	16.6	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.7	1.64%	1.2	39,676	134.3	1,635	13.0	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	41.9	0.24%	0.4	124,868	484.6	3,469	12.1	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	0.35%	0.0	24,449	15.9	2,337	6.1	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.0	0.42%	0.9	31,823	13.6	1,460	8.2	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	-1.32%	1.0	6,803	37.0	571	26.6	5.1%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.5	0.00%	1.3	7,042	12.0	2,829	9.4	4.3%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.3	0.00%	0.6	11,325	75.8	1,715	21.7	3.6%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.6	1.64%	0.8	62,589	63.0	3,373	14.5	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.6	4.04%	1.0	12,210	62.4	6,944	7.8	19.3%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	175.3	-0.96%	0.5	14,489	15.9	14,639	12.1	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	73.3	-2.14%	1.0	7,977	83.2	6,245	12.0	48.6%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.3	0.71%	1.0	9,688	26.0	5,128	16.5	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	38.2	-1.42%	1.0	3,906	13.8	3,037	12.8	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.1	0.00%	1.2	7,168	67.1	1,104	11.9	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.7	0.44%	0.8	9,295	64.6	1,377	16.4	12.5%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.9	-0.22%	1.0	14,804	84.0	6,148	3.7	4.5%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.3	0.00%	1.2	18,517	22.9	3,090	13.4	2.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>